

- Về nhà tìm thêm các bài toán tương tự như trên để tính toán cho thành thạo.	- HS nghe và thực hiện
---	------------------------

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Luyện từ và câu
ÔN TẬP VỀ CÂU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Tìm được một câu hỏi, 1 câu kể, 1 câu cảm, một câu khiến và nêu được dấu hiệu của mỗi kiểu câu đó.(BT1) .

- Phân loại được các kiểu câu kể (Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?), xác định được chủ ngữ, vị ngữ trong từng câu theo yêu cầu của BT2 .

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng nhận biết các kiểu câu đã học.

3. Thái độ: Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

4. Năng lực:

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: Phiếu bài tập 2

- HS: SGK, vở

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp, thảo luận nhóm, trò chơi...

- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

- Kỹ thuật trình bày một phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(5phút)	
- Cho HS thi đặt câu lần lượt với các yêu cầu: + Câu có từ đồng nghĩa + Câu có từ đồng âm + Câu có từ nhiều nghĩa - Gọi HS nhận xét bài của bạn - Nhận xét đánh giá - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi đặt câu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) * <i>Mục tiêu:</i> - Tìm được một câu hỏi, 1 câu kể, 1 câu cảm, một câu khiến và nêu được dấu	

hiệu của mỗi kiểu câu đó.(BT1) .

- Phân loại được các kiểu câu kể (Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?), xác định được chủ ngữ, vị ngữ trong từng câu theo yêu cầu của BT2 .

* *Cách tiến hành:*

Bài tập 1: Cá nhân

- Gọi HS nêu yêu cầu

+ Câu hỏi dùng để làm gì? Có thể nhận ra câu hỏi bằng dấu hiệu gì?

+ Câu kể dùng để làm gì? Có thể nhận ra câu kể bằng dấu hiệu gì?

+ Câu cầu khiến dùng để làm gì? Có thể nhận ra câu cầu khiến bằng dấu hiệu gì?

+ Câu cảm dùng để làm gì?

- Treo bảng phụ có ghi sẵn nội dung cần ghi nhớ. Yêu cầu HS đọc

- Yêu cầu HS tự làm bài tập

- GV nhận xét chữa bài

- Đọc mẩu chuyện vui sau và thực hiện nhiệm vụ nêu ở bên dưới:

- Dùng để hỏi về điều chưa biết. Nhận biết bằng dấu chấm hỏi

- Dùng để kể, tả, giới thiệu, bày tỏ ý kiến, tâm tư, tình cảm. Nhận biết bằng dấu chấm

- Dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn. Nhận biết bằng dấu chấm than, dấu chấm.

- Dùng để bộc lộ cảm xúc. Nhận biết bằng dấu chấm than.

- HS đọc

Kiểu câu	Ví dụ	Dấu hiệu
Câu hỏi	+ Nhưng vì sao cô biết cháu cóp bài của bạn ạ? + Nhưng cũng có thể là bạn cháu cóp bài của cháu?	- Câu dùng để hỏi điều chưa biết. - Cuối câu hỏi có dấu chấm hỏi
Câu kể	+ Cô giáo phân nản với mẹ của một HS: - Cháu nhà chị hôm nay cóp bài kiểm tra của bạn. + Thừa chị bài của cháu và bạn ngồi cạnh cháu có những lỗi giống hết nhau + Bà mẹ thắc mắc: + Bạn cháu trả lời: + Em không biết + Còn cháu thì viết: + Em cũng không biết	- Câu dùng để kể sự việc - Cuối câu có dấu chấm hoặc dấu hai chấm
Câu cảm	+ Thế thì đáng buồn cười quá! + Không đâu!	- Câu bộc lộ cảm xúc - Trong câu có các từ quá, đâu - Cuối câu có dấu chấm than
Câu khiến	+ Em hãy cho biết đại từ là gì?	- Câu nêu yêu cầu , đề nghị - Trong câu có từ hãy

Bài 2: Cá nhân	
- Gọi HS nêu yêu cầu + Có những kiểu câu kể nào? Chủ ngữ, vị ngữ trong câu kiểu đó trả lời câu hỏi nào? - Treo bảng phụ ghi sẵn nội dung cần ghi nhớ, yêu cầu HS đọc - Yêu cầu HS tự làm bài tập - Gọi HS lên chia sẻ - GV nhận xét kết luận	- HS nêu - HS lần lượt trả lời: Ai làm gì? Ai là gì? Ai thế nào? - HS đọc - HS làm bài - Vài HS lên chia sẻ
3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)	
- Cho HS đặt câu kể theo các mẫu câu: Ai là gì ? Ai làm gì ? Ai thế nào ?	- HS đặt câu
4.Hoạt động sáng tạo:(1 phút)	
- Về nhà viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về gia đình trong đó có sử dụng các mẫu câu trên.	- HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

Thứ sáu ngày 28 tháng 12 năm 2018

Tập làm văn

TRẢ BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:** Biết rút kinh nghiệm để làm tốt bài văn tả người (bố cục, trình tự miêu tả, chọn lọc chi tiết, cách diễn đạt, trình bày)
- Kĩ năng:** Nhận biết được lỗi trong bài văn và viết lại một đoạn văn cho đúng.
- Thái độ:** Có tinh thần học hỏi những câu văn hay, đoạn văn hay của bạn.
- Năng lực:**
 - Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
 - Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ ghi sẵn một số lỗi về chính tả cách dùng từ, cách diễn đạt, ngữ pháp...cần chữa chung cho cả lớp
- HS : SGK, vở viết

2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Vấn đáp, quan sát, thảo luận, ...
- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.
- Kĩ thuật trình bày một phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(5phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc đơn - Nhận xét Đơn xin học môn tự chọn của 3 HS - Nhận xét ý thức học bài của HS - Giới thiệu bài - Ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đơn - HS nghe - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút)	
<p>* <i>Mục tiêu:</i>Biết rút kinh nghiệm để làm tốt bài văn tả người (bố cục, trình tự miêu tả, chọn lọc chi tiết, cách diễn đạt, trình bày)</p> <p>* <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc lại đề Tập làm văn - GV nhận xét chung - GV viết bảng phụ các lỗi phổ biến, yêu cầu HS thảo luận, phát hiện lỗi và tìm cách sửa lỗi - Trả bài cho HS - Cho HS tự chữa bài của mình và trao đổi với bạn bên cạnh về nhận xét của cô - Đọc những bài văn hay, bài điểm cao cho HS nghe. - HD viết lại một đoạn văn - Gọi ý HS viết lại đoạn văn khi : <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn văn có nhiều lỗi chính tả + Đoạn văn lủng củng diễn đạt chưa hay + Mở bài kết bài còn đơn giản - Gọi HS đọc lại đoạn văn đã viết lại 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc + Ưu điểm: <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu bài, viết đúng yêu cầu của đề - Bố cục của bài văn - Diễn đạt câu, ý - Dùng từ nổi bật lên hình dáng, hoạt động tính tình của người được tả - Thể hiện sự sáng tạo trong cách dùng từ, dùng hình ảnh miêu tả hình dáng tính tình hoạt động của người được tả - Chính tả, hình thức trình bày... - GV nêu tên từng HS viết bài đúng yêu cầu... + Nhược điểm <ul style="list-style-type: none"> - Lỗi chính tả - Lỗi dùng từ, diễn đạt ý, đặt câu, cách trình bày... - HS chữa lỗi - HS xem lại bài của mình. - 2 HS trao đổi về bài của mình. - HS lắng nghe - HS chọn viết lại một đoạn trong bài - 3 HS đọc lại bài của mình

- Nhận xét	
3. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)	
- Qua tiết học này, em học được điều gì ?	- HS nêu
4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)	
- Về nhà viết lại bài văn cho hay hơn.	- HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Toán
HÌNH TAM GIÁC

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức:** Biết:

- Đặc điểm của hình tam giác có: ba cạnh, ba đỉnh, ba góc.
- Phân biệt 3 dạng hình tam giác (phân loại theo góc)
- Nhận biết đáy và đường cao (tương ứng) của hình tam giác.
- HS làm bài 1, 2 .

2. Kỹ năng: Rèn học sinh vẽ đường cao nhanh, chính xác.**3. Thái độ:** Cẩn thận, chính xác, yêu thích môn học.**4. Năng lực:**

- **Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,**
- **Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học**

II. CHUẨN BỊ**1. Đồ dùng**

- GV: SGK, bảng phụ, : Các hình tam giác như SGK; Êke.
- HS : SGK, bảng con, vở, ê ke

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi.
- Kỹ thuật trình bày một phút. kỹ thuật động não...
- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, thực hành...

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

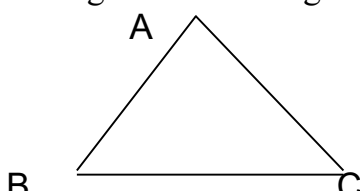
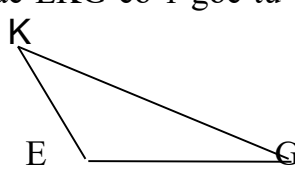
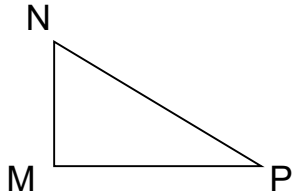
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động: (5 phút)	
- Chia HS thành các đội, thi nhau xếp nhanh 6 que tính để được: 1 hình tam giác, 2 hình tam giác, 4 hình tam giác.. theo yêu cầu của quản trò. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài- Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở

2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)

**Mục tiêu:Biết:*

- Đặc điểm của hình tam giác có: ba cạnh, ba đỉnh, ba góc.
- Phân biệt 3 dạng hình tam giác (phân loại theo góc)
- Nhận biết đáy và đường cao (tương ứng) của hình tam giác.

**Cách tiến hành:*

<p><i>Giới thiệu đặc điểm của hình tam giác</i></p> <p>- GV vẽ lên bảng hình tam giác ABC và yêu cầu HS nêu rõ :</p> <p>+ Số cạnh và tên các cạnh của hình tam giác ABC.</p> <p>+ Số đỉnh và tên các đỉnh của hình tam giác.</p> <p>+ Số góc và tên các góc của hình tam giác ABC.</p> <p>- Như vậy hình tam giác ABC là hình có 3 cạnh, 3 góc, 3 đỉnh.</p> <p><i>Giới thiệu ba dạng hình tam giác.</i></p> <p>- GV vẽ lên bảng 3 hình tam giác như SGK và yêu cầu HS nêu rõ tên các góc, dạng góc của từng hình tam giác.</p> <p>+ Hình tam giác ABC có 3 góc nhọn.</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p><i>Hình tam giác có 3 góc nhọn</i></p> <p>+ Hình tam giác EKG có 1 góc tù và hai góc nhọn.</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p><i>Hình tam giác có một góc tù và hai góc nhọn.</i></p> <p>+ Hình tam giác MNP có 1 góc vuông.</p> <div style="text-align: center;">  </div>	<p>- 1 HS lên bảng vừa chỉ vào hình vừa nêu. HS cả lớp theo dõi và bổ xung ý kiến.</p> <p>+ Hình tam giác ABC có 3 cạnh là : cạnh AB, cạnh AC, cạnh BC.</p> <p>+ Hình tam giác ABC có ba đỉnh là: đỉnh A, đỉnh B, đỉnh C.</p> <p>+ Hình tam giác ABC có ba góc là : Góc đỉnh A, cạnh AB và AC (góc A) Góc đỉnh B, cạnh BA và BC (góc B) Góc đỉnh C, cạnh CA và CB (góc C)</p> <p>- HS quan sát các hình tam giác và nêu :</p> <p>+ Hình tam giác ABC có 3 góc A, B, C đều là góc nhọn.</p> <p>+ Hình tam giác EKG có góc E là góc tù và hai góc K, G là hai góc nhọn.</p> <p>+ Hình tam giác MNP có góc M là góc vuông và hai góc N, P là 2 góc nhọn.</p>
---	--

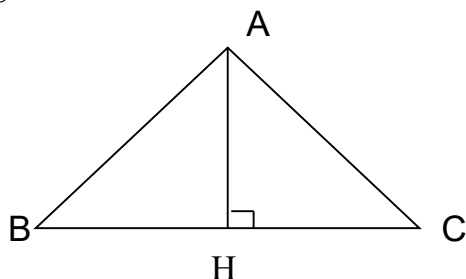
Hình tam giác có một góc vuông và hai góc nhọn (tam giác vuông)

- GV giới thiệu : Dựa vào các góc của các hình tam giác, người ta chia các hình tam giác làm 3 dạng hình khác nhau đó là :

- + Hình tam giác có 3 góc nhọn.
- + Hình tam giác có một góc tù và hai góc nhọn.
- + Hình tam giác có một góc vuông và hai góc nhọn.

- GV vẽ lên bảng một số hình tam giác có đủ 3 dạng trên và yêu cầu HS nhận dạng từng hình.

Giới thiệu đáy và đường cao của hình tam giác.



- GV giới thiệu: Trong hình tam giác ABC có: + BC là đáy.

+ AH là đường cao tương ứng với đáy BC.

+ Độ dài AH là chiều cao.

- GV yêu cầu : Hãy quan sát hình và mô tả đặc điểm của đường cao AH.

- HS nghe.

- HS thực hành nhận biết 3 dạng hình tam giác.

- HS quan sát hình.

- HS cùng quan sát, trao đổi và rút ra kết luận : đường cao AH của tam giác ABC đi qua đỉnh A và vuông góc với đáy BC.

3. HĐ thực hành: (15 phút)

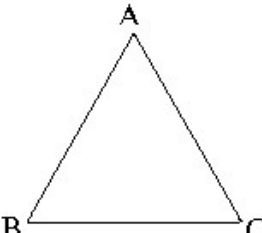
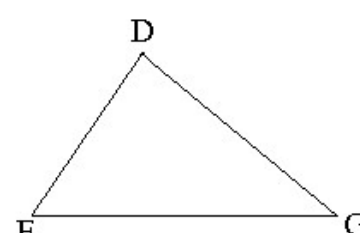
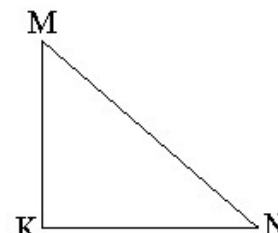
*Mục tiêu:

- Vận dụng được kiến thức làm được các bài tập có liên quan.
- HS làm bài 1, 2 .

*Cách tiến hành:

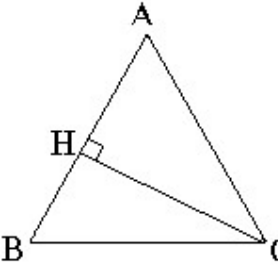
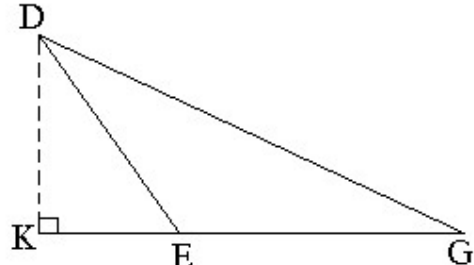
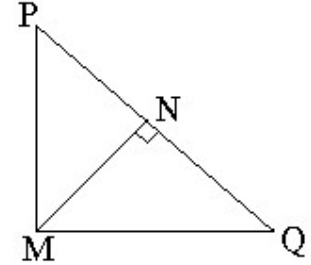
Bài 1: Cá nhân

- GV gọi HS đọc đề bài toán và tự làm.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả
- GV nhận xét

 <p>Tam giác ABC có 3 góc A, B, C 3 cạnh: AB, BC, CA</p>	 <p>Trong tam giác DEG 3 góc là góc D, E, G 3 cạnh: DE, EG, DG</p>	 <p>Tam giác MNK có: 3 góc là góc M, N, K 3 cạnh: MN, NK, KM</p>
---	---	--

Bài 2: Cá nhân

- GV yêu cầu HS quan sát hình, dùng êke kiểm tra và nêu đường cao, đáy tương ứng của từng hình tam giác.
- GV nhận xét

 <p>Tam giác ABC có đường cao CH</p>	 <p>Tam giác DEG có đường cao DK</p>	 <p>Tam giác MPQ cao MN</p>
---	--	--

Bài 3(M3,4): Cá nhân

- Cho HS đọc bài, quan sát tự làm bài
- GV quan sát giúp đỡ HS
- HS chia sẻ trước lớp kết quả
- a) Hình tam giác ADE và hình tam giác EDH có 6 ô vuông và 4 nửa ô vuông. Hai hình tam giác đó có diện tích bằng nhau.
- b) Tương tự : Hai hình tam giác EBC và EHC có diện tích bằng nhau.
- c) Từ a và b suy ra diện tích hình chữ nhật ABCD gấp 2 lần diện tích hình tam giác EDC.

4. Hoạt động ứng dụng:(2 phút)	
- Hình tam giác có đặc điểm gì ?	- HS nêu
5. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)	
- Về nhà tập vẽ các loại hình tam giác và 3 đường cao tương ứng của chúng	- HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Khoa học
ÔN TẬP HỌC KỲ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Ôn tập các kiến thức về:

- Đặc điểm giới tính.
- Một số biện pháp phòng bệnh có liên quan đến việc giữ vệ sinh cá nhân.
- Tính chất và công dụng của 1 số vật liệu đã học.

2. Kỹ năng: Biết vệ sinh cá nhân đúng cách, đảm bảo vệ sinh phòng bệnh.

3. Thái độ: Tự phục vụ bản thân.

* GDBVMT: Mỗi quan hệ giữa con người với môi trường.

4. Năng lực: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- Giáo viên: Phiếu học tập cá nhân, hình minh họa, bảng phụ
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(5 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh thi trả lời câu hỏi. + Em hãy nêu đặc điểm và công dụng của một số loại tơ sợi tự nhiên? + Em hãy nêu đặc điểm và công dụng của một số loại tơ sợi nhân tạo? - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS nghe - HS viết vở
2. Hoạt động thực hành:(27phút)	
<p>* <i>Mục tiêu:</i> Ôn tập các kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm giới tính. - Một số biện pháp phòng bệnh có liên quan đến việc giữ vệ sinh cá nhân. - Tính chất và công dụng của 1 số vật liệu đã học. <p>* <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Hoạt động 1: Con đường lây truyền một số bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh làm việc theo cặp, 1 học sinh hỏi, một học sinh trả lời. + Bệnh sốt xuất huyết lây truyền qua con đường nào? + Bệnh sốt rét lây truyền qua con đường nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 học sinh cùng bàn trao đổi thảo luận - Lây truyền qua động vật trung gian là muỗi vằn. Muỗi hút máu người bệnh rồi truyền vi rút sang cho người lành. - Lây truyền qua động vật trung gian là muỗi A- nô- phen, kí sinh trùng gây bệnh có trong máu. Muỗi hút máu có kí sinh trùng sốt rét của người bệnh truyền sang người lành.